

Bản án số: 40/2024/HS-ST
Ngày 04-03-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Doãn Văn Sáng

Ông Bùi Đình Hùng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Hậu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:* Bà Đào Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 03 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 43/2024/TLST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2024/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Thanh S, sinh ngày 02 tháng 12 năm 1959 tại Hải Phòng; nơi cư trú: **Thôn B, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 07/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Thanh L** và bà **Trần Thị N**; có vợ là **Lê Thị Q** (đã ly hôn) và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 35 ngày 29/5/1980 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa” theo Điều 7 Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa ngày 21/10/1970; Bản án hình sự sơ thẩm số 77 ngày 20/11/1985 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 05 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa” theo Điều 7 Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa ngày 21/10/1970; Ngày 20/11/1973 trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa bị **Công an H1** bắt giữ và tập trung giáo dục từ năm 1975-1979 (đều đã được xóa); Ngày 27/12/2023 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; Theo quyết định số 13/QĐ-TLĐXHTX-QLĐTXH ngày

15/01/2024, Nguyễn Thanh S được nuôi dưỡng tạm thời tại Trường L1 trong thời gian tối đa không quá 03 tháng (90 ngày) kể từ ngày Trường L1 tiếp nhận (ngày 15/01/2024). Vắng mặt.

- Bị hại: Bà Lê Thị H, sinh năm 1971; nơi cư trú: Thôn Đ, xã D, huyện T, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

- Người làm chứng: Bà Tống Thị C. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ ngày 12/11/2023, Nguyễn Thanh S đi bộ từ phòng trọ ra khu vực đền T thuộc thôn B, xã D, huyện T để tập thể dục. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, S thấy một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Vision, màu đỏ mận mang biển kiểm soát 15G1 – 244.33 của bà Lê Thị H, sinh năm 1971, trú tại xã D, huyện T đang dựng ở trước cửa đền, không có ai trông coi. S tiến lại gần phát hiện cốp xe không khóa S mở cốp xe ra thì phát hiện một chiếc túi vải màu đen kích thước khoảng (18x13)cm gồm 4 ngăn kéo bằng khóa, kiểm tra bên trong thấy các ngăn túi đều có tiền mặt. S lấy chiếc túi vải trên ra khu vực cánh gà bên phải sân khấu cạnh đền T để kiểm tra, thì thấy số tiền trong túi có nhiều mệnh giá khác nhau từ 1.000 đồng đến 500.000 đồng. S lấy toàn bộ số tiền trong túi mang đi cất giấu ở nhiều vị trí gần đền T. Sau đó S mang chiếc túi vải cất lại vào cốp xe mô tô rồi tiếp tục tập thể dục.

Khi phát hiện bị mất tiền, nghi ngờ S đã chiếm đoạt tài sản của mình, bà H đã trình báo lên Cơ quan công an. Cơ quan điều tra triệu tập S lên làm việc, S đã thừa nhận việc lấy tài sản của bà H và tự nguyện chỉ dẫn lực lượng Công an đến các vị trí cất giấu tiền để thu hồi toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt. Qua kiểm đếm 03 sấp tiền gồm 13 tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng, 44 tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng, 60 tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng, 55 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng, 40 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng, 5 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng, 08 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng, 34 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, tổng số tiền trị giá 20.601.000 đồng.

Vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra Công an huyện T đã trả lại số tiền 20.601.000 đồng cho bà Lê Thị H.

Về vấn đề dân sự: Bà Lê Thị H đã nhận đủ số tiền bị chiếm đoạt, không yêu cầu gì khác và có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho S.

Tại bản Cáo trạng số 63/CT-VKSTN ngày 05 tháng 02 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên truy tố bị cáo Nguyễn Thanh S về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 20/02/2024 bị cáo **Nguyễn Thanh S** khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã nêu và đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo **Nguyễn Thanh S** như nội dung bản Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh S** từ 15 đến 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo **Nguyễn Thanh S**.

Về dân sự: Bà **Lê Thị H** đã nhận đủ số tiền bị chiếm đoạt, không yêu cầu gì khác nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra **Công an huyện T** đã trả lại số tiền 20.601.000 đồng cho bà **Lê Thị H** là đúng quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Do bị cáo vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến tranh luận với quan điểm của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- *Về tố tụng:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an huyện T**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân **huyện T**, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và trong thời gian chuẩn bị xét xử, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc vắng mặt của bị cáo và bị hại: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo và bị hại đều vắng mặt, đồng thời có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại đơn xin xét xử vắng mặt bị cáo xác định: Bị cáo thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản của mình theo như nội dung Bản cáo trạng số 63/CT-VKSTN ngày 05/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên đã truy tố. Bị cáo đề nghị xin xét xử vắng mặt. Mặt khác, bị hại bà **Lê Thị H** đã nhận được toàn bộ tài sản bị chiếm đoạt, không có yêu cầu gì về dân sự và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do đó,

việc vắng mặt của bị cáo, bị hại không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 290, khoản 2 Điều 292 Bộ luật tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị cáo và bị hại.

- Về tội danh:

[3] Lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, Kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nên đủ cơ sở kết luận bị cáo có hành vi như sau: Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 12/11/2023, tại nhà của khu vực **đền T** thuộc **thôn B, xã D, huyện T, thành phố Hải Phòng**, lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu (bà **Lê Thị H**) trong việc quản lý tài sản, **Nguyễn Thanh S** đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 20.601.000 đồng của bà **Lê Thị H**. Do đó, có đủ cơ sở có đủ cơ sở kết luận bị cáo **Nguyễn Thanh S** phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo Điều 173 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát truy tố và kết luận là có căn cứ và đúng pháp luật.

- Về tình tiết định khung hình phạt:

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo **Nguyễn Thanh S** không vi phạm tình tiết định khung tăng nặng nên bị cáo chỉ bị xét xử theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát truy tố và kết luận là có căn cứ và đúng pháp luật.

[5] Tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi của bị cáo không những đã xâm phạm đến quyền sở hữu của cá nhân mà còn xâm phạm trật tự công cộng, gây tâm lý hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân. Do vậy, đối với hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử phạt nghiêm khắc mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

- Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[6] Về nhân thân: Bị cáo có 02 tiền án, 01 tiền sự đều đã được xóa đã lâu, tuy nhiên các tiền án, tiền sự của bị cáo đều về hành vi trộm cắp tài sản, nhưng bị cáo không coi đó là bài học mà tiếp tục phạm tội “Trộm cắp tài sản” thể hiện thái độ coi thường pháp luật.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo; bị hại đã được nhận lại toàn bộ tài sản chiếm đoạt (toàn bộ hậu quả đã được khắc phục); bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nên cần áp dụng khi xem xét, quyết định hình phạt đối với bị cáo.

- Về hình phạt:

[9] Từ phân tích nêu trên, căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo và trên mức khởi điểm của khung hình phạt mới đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[10] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự, bị cáo có thể bị phạt tiền với mức phạt tiền từ 05 triệu đồng đến 50 đồng. Tuy nhiên, bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản. Căn cứ tính chất, mức độ phạm tội và hoàn cảnh của bị cáo, xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về dân sự:

[11] Bị hại bà Lê Thị H đã nhận đủ số tiền bị chiếm đoạt, không yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về vật chứng:

[12] Cơ quan điều tra Công an huyện T đã trả lại số tiền 20.601.000 đồng cho bà Lê Thị H là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về án phí:

[13] Bị cáo là người cao tuổi nên bị cáo được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh S: 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Trường hợp bị cáo Nguyễn Thanh S không còn được nuôi dưỡng tại Trường L1 thì áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Nguyễn Thanh S, cụ thể: Bị cáo không được phép đi khỏi nơi cư trú: Xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng kể từ khi bị cáo Nguyễn Thanh S không còn được nuôi dưỡng tại Trường L1 cho đến thời điểm bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

Giao bị cáo cho chính quyền xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng để quản lý, theo dõi bị cáo. Khi chưa được sự đồng ý của xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng và giấy phép của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải

Phòng thì bị cáo không được đi khỏi nơi cư trú (xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng). Nếu bị cáo vi phạm nghĩa vụ cam đoan khi bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú này thì sẽ bị áp dụng biện pháp tạm giam.

2. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo **Nguyễn Thanh S.**

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo, bị hại (đều vắng mặt tại phiên tòa) được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Hằng

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Thủy Nguyên;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- Sở tư pháp thành phố Hải Phòng;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Hằng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Hằng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Hằng

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Vụ Giám đốc kiểm tra 1 - TAND tối cao;
- Phòng KTNV và THA TAND huyện Thủy Nguyên;
- Trại tạm giam Công an huyện Thủy Nguyên;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an huyện Thủy Nguyên;
- Cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên;
- Sở tư pháp huyện Thủy Nguyên;
- Bị cáo;
- Cơ quan thi hành án hình sự huyện Thủy Nguyên;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HS; THS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Tuyến

Phiếu gửi bảo đảm bản án hình sự sơ thẩm số 88 ngày 14/7/2022 (Phùng Hoài Ngọc – TK Hằng)

- TAND cấp cao tại Hà Nội; địa chỉ: **Số A, Phạm Văn B, phường Y**, Cầu Giấy, Hà Nội ; RG 186 302 241 **V**
- VKSND cấp cao tại Hà Nội; địa chỉ: **Số I, P, phường Y**, Cầu Giấy, Hà Nội ; RG 186 302 238 **V**
- Vụ Giám đốc kiểm tra 1 - TAND tối cao; địa chỉ: **Số D L, B, Hà Nội**. RG 186 302 255 **V**